

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

LÊ THỊ ANH

CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG CẠNH TRANH
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật Kinh tế.
Mã số: 60 38 01 07.

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ

THỪA THIÊN HUẾ - NĂM 2023

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học:

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đề tài	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	5
6. Ý nghĩa khoa học về mặt lý luận và thực tiễn của Luận văn	6
7. Kết cấu của luận văn	7
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG CẠNH TRANH	8
1.1. Khái quát về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh	8
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh	8
1.1.2. Phân loại cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh	13
1.2. Khái quát pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh	18
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh	18
1.2.2. Nội dung pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh	25
1.3. Các yếu tố tác động nội dung của pháp luật và thực thi pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh	28
1.4. Pháp luật một số nước trên thế giới quy định về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, gợi mở cho Việt Nam	31
1.4.1. Pháp luật của một số nước trên thế giới quy định về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, gợi mở cho Việt Nam	31
1.4.2. Một số gợi mở cho việc xây dựng mô hình cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh của Việt Nam	39
Kết luận chương 1	42
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC THI PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM	44
2.1. Thực trạng pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam	44
2.1.1. Thực trạng pháp luật về cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh	44
2.1.2. Thực trạng pháp luật về hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh	51
2.1.3. Thực trạng quy định về hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định giải quyết vụ việc cạnh tranh	54
2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam	55
2.2.1. Những kết quả đạt được trong thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh	55
2.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh	61
Kết luận chương 2	70

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

..... 72

3.1. Định hướng hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam 72

3.2. Đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam 75

3.2.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh 75

3.2.2. Hoàn thiện quy định về hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh 78

3.2.3. Hoàn thiện quy định về hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh .. 79

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam 79

Kết luận chương 3 84

KẾT LUẬN **86**

TÀI LIỆU THAM KHẢO **88**

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCT	Bộ Công thương
CQLCT	Cục quản lý Cạnh tranh
CTKLM	Cạnh tranh không lành mạnh
HCCT	Hạn chế cạnh tranh
LCT	Luật Cạnh tranh
HĐCT	Hội đồng cạnh tranh
EU	Liên minh châu Âu
UBCTQG	Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia
WTO	Tổ chức thương mại thế giới

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài:

Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường, mở rộng “bạn buôn” từ nhiều góc độ khác nhau, tiếp cận với khoa học, công nghệ hiện đại, tiếp cận được với nhiều phương thức và môi trường kinh doanh từ nhiều quốc gia. Mang lại nhiều cơ hội, nhưng cũng mang đến những thách thức mà nền kinh tế của mỗi quốc gia, mỗi doanh nghiệp, nhà kinh doanh có thể phải đối đầu. Từ phía doanh nghiệp, các doanh nghiệp của các quốc gia chịu sức ép về cạnh tranh không chỉ từ các doanh nghiệp trong nước mà cả từ doanh nghiệp nước ngoài, không chỉ có cạnh tranh bình đẳng mà cả bất bình đẳng, chiếm lĩnh thị trường để tạo vị thế độc quyền, vị thế thống lĩnh một cách bất hợp pháp. Vì thế, để xử lý các hành vi vi phạm, các quốc gia có nhiều công cụ khác nhau, trong đó cần phải hoàn thiện hệ thống chủ thể để thực thi hiệu quả pháp luật cạnh tranh. Bởi lẽ, xét đến cùng, hiệu quả điều chỉnh của các quy phạm pháp luật cạnh tranh đến đâu phụ thuộc vào năng lực thực thi của chủ thể (con người), với tư cách là chủ thể “trung chuyển” các quy phạm này vào thực tiễn, nếu không các quy phạm pháp luật cạnh tranh chỉ là lý thuyết suông.

Vì thế, ngay từ buổi đầu xây dựng Luật cạnh tranh, vấn đề về mô hình nào để thực thi Luật cạnh tranh được nhiều học giả quan tâm. Tuy vậy, vấn đề càng cấp thiết khi sau hơn 12 năm thi hành, Luật Cạnh tranh năm 2004 (LCT 2004) đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập trong nội dung quy định, đặc biệt liên quan đến hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh. Nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng các yêu cầu thực tiễn, cũng như phù hợp với sự thay đổi của bối cảnh kinh tế xã hội, xu hướng hội nhập quốc tế, Luật Cạnh tranh năm 2018 (LCT 2018) đã được Quốc hội khóa XIV thông qua để thay thế cho LCT 2004 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2019. Từ khi LCT 2018 có hiệu lực, phân tích các kết quả đạt được nhận thấy: Đối với các vụ việc tập trung kinh tế (TTKT) đã tiếp nhận và xử lý 125 hồ sơ thông báo theo quy định của LCT 2018 với số lượng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là 258 doanh nghiệp; Đối với vụ việc hạn chế cạnh tranh (HCCT), đã tiến hành điều tra tiền tố tụng khoảng gần 100 vụ việc trên nhiều thị trường, lĩnh vực, ngành nghề, trong đó có những vụ việc có tính thời sự và nhận được nhiều sự quan tâm như vụ việc lạm dụng vị trí thống lĩnh trên thị trường du lịch, vụ việc grab và uber; Đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh (CCTKLM), đã tiến hành điều tra theo thủ tục tố tụng cạnh tranh với 18 vụ việc có dấu hiệu vi phạm quy định về CTKLM.

Với những kết quả đạt được có thể thấy, bước đầu LCT 2018 đã dần được triển khai và đi vào thực tiễn cuộc sống. Mặc dù vậy, sau 04 năm LCT 2018 có hiệu lực, việc triển khai tổ chức thực thi LCT 2018 còn gặp phải khó khăn, các quy định về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh còn nhiều bất cập. Đặc biệt, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia cho đến nay vẫn chưa được thành lập; Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh chưa đáp ứng về địa vị pháp lý, v.v, dẫn đến công tác điều tra và xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh trong giai đoạn 2019 - 2022 không thể triển khai theo quy định. Vì thế, việc lựa chọn đề tài “**Cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh theo pháp luật Việt Nam**” để làm Luận văn thạc sĩ đã tạo cơ hội đóng góp cả về lý luận cũng như thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật, góp phần phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài:

Điểm các công trình liên quan đến cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, có thể nhận thấy hiện đã có những nghiên cứu điển hình sau:

Nguyễn Như Phát & Trần Đình Hảo (2001), “*Cạnh tranh và xây dựng pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay*”. Nhà xuất bản Công an nhân dân. Nội dung cốt lõi của công trình là đánh giá chính sách cạnh tranh trong đối chiếu so sánh với kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Pháp, .v.v, từ đó đưa ra quan điểm định hướng để xây dựng và thực thi Luật cạnh tranh trong bối cảnh của Việt Nam.

Lưu Kỳ Bảo (2015), “*Thúc đẩy toàn diện quản lý đất nước theo pháp luật nỗ lực xây dựng Trung Quốc pháp trị*” (Báo cáo là đề dẫn tại Hội thảo Lý luận lần thứ 10 giữa Đảng cộng sản Việt Nam và Đảng cộng sản Trung Quốc, được xuất bản thành sách: Hội đồng lý luận Trung ương (2015), “*Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Kinh nghiệm Việt Nam. Kinh nghiệm Trung Quốc*”. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – sự thật Hà Nội,).

Trịnh Anh Tuấn (2015), “*Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam*”. Luận án tiến sĩ Kinh tế, thực hiện tại Viện nghiên cứu Thương mại.

Nguyễn Văn Cường và Dương Thu Hương, “*Cơ chế tổ chức thi hành pháp luật của Hoa Kỳ và giá trị tham khảo cho Việt Nam*” . Công trình đã giải thích tầm quan trọng của vấn đề thi hành đối với những văn bản được ban hành và đã có hiệu lực trên cơ sở dẫn chứng kinh nghiệm về xây dựng cơ chế thực thi pháp luật của Hoa Kỳ. Theo đó, công trình nhấn mạnh: quyết định đến hiệu quả điều chỉnh của văn bản pháp luật đó là phải đảm bảo bộ máy, nguồn nhân lực ngân sách để thực thi pháp luật; sự phối hợp thực thi của cơ quan nhà nước và của toàn xã hội.

Frank Naert, *Tác động của các phán quyết trừng phạt hành vi hạn chế cạnh tranh: Lợi ích mà cạnh tranh mang lại có được nhìn giống nhau trên thế giới; Frank Naert, Vụ việc lạm dụng vị trí thống lĩnh ở châu Âu: Phân tích tác động.*

Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình liên quan đến đề tài nhận thấy: Các nghiên cứu cho rằng hoặc thừa nhận rằng cần thiết phải đảm bảo quyền tự do cạnh tranh nhưng cần có sự điều tiết của nhà nước; Các nghiên cứu đều lập luận rằng cần thiết phải xây dựng các thiết chế để tiến hành điều tra hiệu quả các vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh; Từ việc phân tích thực trạng, các nghiên cứu đều cho rằng cần phải xây dựng cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh đảm bảo tính độc lập để tránh được tác động bởi cơ chế chính trị cũng như tư duy bảo hộ cho ngành sản xuất nội địa.

Với những phát hiện này, trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu được đề cập trên đây, Luận văn tiếp tục phân tích để làm rõ những ưu điểm cũng như bất cập của pháp luật cạnh tranh Việt Nam liên quan đến hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng. Từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng cạnh tranh của hệ thống cơ quan này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

3.1. Mục đích nghiên cứu:

Xây dựng luận cứ khoa học làm cơ sở đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Thứ nhất, làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, như xây dựng và làm rõ khái niệm về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh; các loại cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh theo quy định của pháp luật; kinh nghiệm một số quốc gia về xây dựng cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, v.v.

Thứ hai, dựa trên cơ sở các vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh đã được xử lý thời gian qua, từ kết quả quan sát, phân tích, tổng hợp từ các công trình nghiên cứu và các báo cáo nghiên cứu thực tiễn liên quan, công trình phải phân tích được thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh tại Việt Nam.

Thứ ba, đề xuất được các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh tại Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận pháp luật về cơ quan tố tụng cạnh tranh thông qua các học thuyết, quan điểm liên quan đến xây dựng cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật về hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

- Nghiên cứu thực tiễn pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh thông qua các báo cáo tổng kết của cơ quan quản lý cạnh tranh; các nghiên cứu trao đổi khoa học của các học giả liên quan đến cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu đề tài:

Nội dung nghiên cứu đề tài: Thực tiễn hoạt động và quy định của pháp luật cho thấy, để tiến hành hoạt động tố tụng cạnh tranh cần sự tham gia của nhiều chủ thể, như cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh; người tham gia tiến hành tố tụng cạnh tranh. Tuy nhiên, để đảm bảo tính chuyên sâu và đạt mục tiêu nghiên cứu, đề tài tiến hành nghiên cứu hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng sau: (i) Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh; (ii) Cơ quan ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; (iv) Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định giải quyết vụ việc cạnh tranh.

Thời gian nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh từ năm 2018 đến hết năm 2022. Tuy nhiên, để có các số liệu đối sánh trong quá trình phân tích nội dung, đề tài còn sử dụng các số liệu, vụ việc, quan điểm nghiên cứu của những năm trước 2018.

Không gian nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu các quy định về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam.

Địa lý nghiên cứu: Để có số liệu so sánh thực tiễn cũng như kinh nghiệm để khảo cứu nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, đề tài còn tiến hành nghiên cứu một số kinh nghiệm thiết lập cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh của một số quốc gia trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó tập trung phân tích mô hình cơ quan tố tụng cạnh tranh Nhật Bản và Hoa Kỳ.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu:

5.1. Phương pháp luận: Đề tài được thực hiện dựa trên các phạm trù của triết học Mác - Lênin mà hạt nhân là phép duy vật biện chứng để nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh với các quy định của pháp luật cạnh tranh trong giải quyết các vụ việc vi phạm pháp luật. Đồng thời, trong quá trình nghiên cứu, đề tài bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thiết kế cũng như hoàn thiện mô hình cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam.

5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể:

(1) Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng để xử lý các số liệu trong Báo cáo tổng kết của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh trong các vụ kiện; Báo cáo của cơ quan quản lý cạnh tranh về tình hình sử dụng pháp luật cạnh tranh; Báo cáo tổng kết của một số Sở Công thương về hoạt động phối hợp điều tra, xử lý các vụ kiện về cạnh tranh; các số liệu trong các đề tài nghiên cứu khoa học khác, v.v. Từ đó, làm cơ sở đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh tại chương 2.

(2) Phương pháp phân tích, so sánh luật học được sử dụng xuyên suốt chương 1 nhằm đối chiếu, làm rõ các vấn đề lý luận và pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh. Đặc biệt, các phương pháp này được sử dụng để đối chiếu, so sánh với kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới để rút ra những bài học khảo cứu trong hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở chương 3.

6. Ý nghĩa khoa học về mặt lý luận và thực tiễn của Luận văn:

6.1. Ý nghĩa về mặt lý luận:

- Tiếp cận từ việc luận giải một cách có hệ thống một số vấn đề lý luận và pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, đề tài giải thích và làm rõ nội hàm khái niệm về khái niệm về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh; các loại cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh; kinh nghiệm một số quốc gia về xây dựng cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

- Từ phân tích cơ sở lý luận cũng như thực tiễn trong sự đối chiếu, so sánh với kinh nghiệm của một số nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc, Luận văn đề xuất xây dựng được mô hình Cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh đảm bảo độc lập, hiệu quả trong quá trình xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh.

- Từ luận cứ khoa học được xây dựng trên cơ sở phân tích, tổng hợp những vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận văn đã xuất được các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh tại Việt Nam có giá trị tham khảo trong thực tiễn.

6.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn:

- Đối với nền kinh tế: Việc hoàn thiện mô hình và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh đã góp phần loại bỏ những tác động tiêu cực đến từ các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng.

- Đối với các doanh nghiệp: Hoàn thiện mô hình cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh trong việc phát hiện, thụ lý, điều tra và xử lý vụ việc là điểm tựa hữu hiệu cho các doanh nghiệp kinh doanh lành mạnh trên thị trường.

- Đối với các nhà lập pháp: Luận văn đề xuất xây dựng mô hình cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh và đưa ra các giải pháp giúp hoàn thiện địa vị pháp lý của Cơ quan này là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà lập pháp định hướng trong quá trình hoàn thiện pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay.

- Đối với các nhà khoa học quan tâm: Luận văn là tài liệu bổ ích cho độc giả quan tâm nghiên cứu lĩnh vực này.

7. Kết cấu của Luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và các vấn đề liên quan đến đề tài, Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

MỘT VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ CƠ QUAN TIẾN HÀNH

TỔ TỤNG CẠNH TRANH

1.1. Khái quát về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

Để thực hiện các hoạt động tố tụng cạnh tranh như điều tra, xử lý vụ việc và giải quyết khiếu nại, pháp luật các quốc gia buộc phải tổ chức hệ thống các chủ thể để tiến hành các hoạt động này, nhằm “*trung chuyển*” các quy định của pháp luật cạnh tranh đi vào thực tiễn cuộc sống. Từ các luận giải trên đây, hiểu một cách khái quát nhất, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh là *hệ thống các cơ quan được pháp luật quy định để tiến hành các hoạt động từ điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh đến giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo trình tự, thủ tục quy định*. Từ khái niệm này, có thể nhận diện cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh thông qua những dấu hiệu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh được thành lập để giải quyết vụ việc cạnh tranh. Tố tụng cạnh tranh sẽ được áp dụng đối với những vụ việc đáp ứng hai điều kiện cần và đủ sau:

- (i) Vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh.
- (ii) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra, xử lý theo quy định của Luật cạnh tranh.

Như vậy, vụ việc tuy có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh nhưng không được cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật cũng không thuộc vụ việc cạnh tranh. Một vụ việc khi hội đủ hai điều kiện nêu trên (có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh và bị cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử lý theo Luật cạnh tranh) mới được coi là vụ việc cạnh tranh và mới được giải quyết theo tố tụng cạnh tranh.

Thứ hai, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh được thành lập để giải quyết các loại hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh có bản chất không giống nhau, đó là hành vi HCCT, tập trung kinh tế (TTKT) và hành vi CTKLM. Đặc điểm này thể hiện sự khác biệt của tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam so với tố tụng cạnh tranh của nhiều quốc gia trên thế giới.

Thứ ba, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh là cơ quan hành pháp nhưng có chức năng của cơ quan tư pháp. Tố tụng cạnh tranh được tiến hành bởi các cơ quan hành pháp (không được tiến hành bởi tòa án), thông qua hoạt động của người tiến hành tố tụng cạnh tranh, bao gồm: Chủ tịch ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, thành viên Hội đồng xử lý vụ việc HCCT, thành viên Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, thủ trưởng cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, điều tra viên vụ việc cạnh tranh và thư kí phiên điều trần.

Thứ tư, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh tiến hành giải quyết vụ việc cạnh tranh không nhất thiết phải dựa vào đơn khiếu nại của bên có liên quan mà có thể giải quyết vụ việc cạnh tranh do chính mình khởi xướng.

1.1.2. Phân loại cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

Thứ nhất, dựa vào tính chất, có thể phân loại cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh thành cơ quan hành chính bán tư pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp. Đại diện cho kiểu mô hình này là Tại Nhật Bản, Ủy ban Thương mại lành mạnh Nhật Bản (Fair Trade Commission- JFTC) chịu trách

nhiệm quản lý nhà nước về cạnh tranh. Bên cạnh đó, JFTC cũng có chức năng tư pháp khi xử lý vụ việc vi phạm Luật chống độc quyền, JFTC có thể thi hành Luật đối với vụ việc hoàn toàn dựa vào các điều khoản và cách hiểu như tòa án¹. Ở Việt Nam điều này thể hiện khá rõ, bên cạnh vai trò trọng tâm của UBCTQG với cơ quan thuộc nhánh hành pháp, trực thuộc BCT thực hiện việc quản lý nhà nước về cạnh tranh, thì cơ quan này được pháp thành lập cơ quan điều tra, đặc biệt là Hội đồng xử lý vụ việc HCCT với tư cách là cơ quan thuộc nhánh hành pháp nhưng có chức năng mở phiên Điều trần và áp dụng pháp luật để phân xử đúng sai như tòa án².

Thứ hai, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, có thể phân loại cơ quan tố tụng cạnh tranh thành, cơ quan giải quyết vụ việc CTKLM và cơ quan giải quyết vụ việc HCCT và TTKT. Cơ quan quản lý cạnh tranh của Hoa Kỳ bao gồm Ủy ban Thương mại liên bang Hoa kỳ (Federal Trade Commission - USFTC) và Cục cạnh tranh thuộc Bộ tư pháp (DOJ), mỗi cơ quan chịu trách nhiệm thực thi một số mảng của Luật cạnh tranh. Trong đó, USFTC là cơ quan này có các chức năng ngăn chặn hành vi kinh doanh phản cạnh tranh hoặc gây bất lợi đối với người tiêu dùng; tăng cường quyền lựa chọn của người tiêu dùng và nhận thức của công chúng về cạnh tranh; hoàn thành nhiệm vụ trên nhưng không gây ra bất kì rào cản hay gánh nặng pháp lý đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp³. Khác với USFTC, DOJ cơ quan này phụ trách việc đẩy mạnh cạnh tranh kinh tế thông qua việc thi hành và hướng dẫn thi hành Luật chống độc quyền và các quy định liên quan⁴.

Ở Việt Nam, đối với hành vi CTKLM thì Phòng điều tra vụ việc CTKLM tiến hành điều tra và Chủ tịch UBCTQG là chủ thể ra quyết định xử lý cuối cùng. Còn với vụ việc HCCT và TTKT thì Phòng điều tra vụ việc HCCT tiến hành điều tra, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh giải quyết đúng sai thông qua phiên điều trần. Bên cạnh đó, các kết quả giải quyết vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh có thể được khiếu nại bởi các chủ thể có quyền và nghĩa vụ liên quan. Để giải quyết khiếu nại đối với vụ việc cạnh tranh, pháp luật quy định thẩm quyền thuộc UBCTQG, mà chủ thể có thực quyền giải quyết chính là Chủ tịch UBCTQG⁵.

Thứ ba, phân loại theo chuỗi các hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh. Trong thực tiễn thi hành pháp luật cạnh tranh, các cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh có mối quan hệ hỗ trợ mật thiết với nhau, tuy mỗi cơ quan có những nhiệm vụ khác nhau trong giải quyết một vụ việc cạnh tranh cụ thể, kết quả hoạt động của cơ quan này làm cơ sở tiền đề cho việc giải quyết tiếp theo cơ quan khác.

Chứng minh điều này, học phái Chigago từ sớm đã nhấn mạnh sự cần thiết phải có sự tồn tại của cơ quan kiểm soát độc quyền được nhà nước xây dựng để chống lại các hành vi độc quyền. Và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh suy cho cùng là để chống lại các hành vi thương mại không công bằng (cạnh tranh không lành mạnh và hạn chế cạnh tranh) của doanh nghiệp với ý định tạo dựng vị thế độc quyền, vị thế thống lĩnh thị trường⁶.

¹ Mai Xuân Hoi & Đỗ Đức Hồng Hà (2015), “Một số mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh trên thế giới – Kinh nghiệm cho Việt Nam”. Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 01 (86), 80

² Xem Điều 1, Điều 2 Nghị định 03/2023/NĐ-CP quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia

³ Cục quản lý cạnh tranh Việt Nam, Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam năm 2012, tr268

⁴ Cục quản lý cạnh tranh Việt Nam, Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam năm 2012, tr268

⁵ Các nội dung này được quy định tại Nghị định 03/2023/NĐ-CP quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia

⁶ Fikentscher (1998), “Chigago – get the government off the back of business”.

Minh chứng, Theo quy định tại Điều 26 Luật Thương mại lành mạnh Đài Loan, Ủy ban thương mại Đài Loan TFTC có chức năng điều tra và xử lý các vụ việc theo khiếu nại của doanh nghiệp đối với bất kỳ vi phạm nào theo quy định của luật tác động xấu đến lợi ích chung. Cụ thể, TFTC có những nhiệm vụ sau:⁷ hoạch định chính sách luật và các quy định về thương mại lành mạnh; rà soát các vấn đề thương mại lành mạnh xung đột với luật này; điều tra hoạt động của các doanh nghiệp cũng như kiểm soát các hoạt động kinh tế; điều tra và đưa ra các quyết định xử lý đối với bất kỳ vụ vi phạm Luật Thương mại lành mạnh và bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Luật Thương mại lành mạnh. Để thực hiện tốt chức năng trên, Điều 28 Luật Thương mại lành mạnh quy định, TFTC sẽ thực thi trách nhiệm của mình một cách độc lập, tuân theo quy định của Luật Thương mại lành mạnh và có thể tùy ý xử lý các vụ việc liên quan đến thương mại lành mạnh với tư cách của mình.

Sau các hoạt động nói trên, cơ quan xử lý vụ việc cạnh tranh sẽ đưa ra kết luận cuối cùng về áp dụng các chế tài xử lý đối với vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh. Kết quả giải quyết buộc các bên vi phạm phải thực thi, tuy vậy, pháp luật các quốc gia cho phép các nhân liên quan có quyền khiếu nại kết quả giải quyết của cơ quan tổ tụng cạnh tranh. Ví như theo pháp luật Hoa Kỳ, USFTC chịu trách nhiệm quản lý 03 cơ quan chính: Cơ quan bảo vệ người tiêu dùng, Cơ quan cạnh tranh và Cơ quan kinh tế. Bên cạnh đó, USFTC cũng có các phòng ban chuyên trách các vấn đề khác như Văn phòng tư vấn chung, Văn phòng Hợp tác quốc tế, Văn phòng điều tra chung ... và các văn phòng đại diện ở 07 bang khác. USFTC có nhiệm vụ điều tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và áp dụng chế tài đối với các hành vi vi phạm Luật Cạnh tranh, đồng thời đảm trách thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng⁸. Ở Việt Nam, để giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh tranh, pháp luật quy định trách nhiệm thuộc UBCTQG⁹.

Việc phân loại và khẳng định này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi lẽ để bảo vệ cho doanh nghiệp, người tiêu dùng trước các hành vi HCCT hoặc CTKLM của các chủ thể kinh doanh trên thị trường, cần phải xác định đầy đủ, rõ ràng và chính xác vai trò của từng loại cơ quan tiến hành tổ tụng cạnh tranh, gắn liền với từng hoạt động cụ thể, xuyên suốt quá trình xử lý một vụ việc cạnh tranh. Có như thế, mới có cơ sở để đánh giá đầy đủ và toàn diện hiệu quả hoạt động cũng như quy định liên quan đối với từng loại cơ quan tiến hành tổ tụng cạnh tranh.

1.2. Khái quát pháp luật về cơ quan tiến hành tổ tụng cạnh tranh

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về cơ quan tiến hành tổ tụng cạnh tranh

Quay về lịch sử hình thành và phát triển có thể thấy, trên thế giới, pháp luật cạnh tranh một số quốc gia ra đời từ rất sớm. Minh chứng, từ năm 1947, Nhật Bản đã ban hành Luật Chống độc quyền Nhật Bản hay tại được thành lập vào tháng 9/1914¹⁰.

GATT 1994 và các hiệp định về các biện pháp PVTM vẫn bảo lưu các quy định của GATT 1947 đồng thời cũng có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nhằm đảm bảo cho việc trao đổi, giao lưu thương mại giữa các quốc gia diễn ra thuận lợi đảm bảo cho các quốc gia nhập khẩu không phải chịu những thiệt hại do tác động khi tham gia thương mại toàn cầu.

⁷ Xem: Luật Thương mại lành mạnh Đài Loan, Điều 25.

⁸ Cục quản lý cạnh tranh Việt Nam (2012), Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam. tr270

⁹ Theo Điều 2 Nghị định 03/2023/NĐ-CP quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia

¹⁰ Cục quản lý cạnh tranh, Báo cáo rà soát các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2012, tr267

Phần 1 Tài liệu tham chiếu buộc quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn các hành vi hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông...¹¹.

Để tiến hành xử lý các vụ việc cạnh tranh, cùng với quy định các chế định về kiểm soát hành vi HCCT, hành vi CTKLM, LCT năm 2004 đã quy định chế định về các cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, mà trung tâm là Cục quản lý Cạnh tranh và Hội đồng Cạnh tranh¹².

Từ những phân tích trên, bằng một cách khái quát nhất có thể hiểu pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh là hệ thống các quy định được nhà nước ban hành hoặc thừa nhận trong hệ thống pháp luật quốc gia hoặc trong các FTA trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc của WTO, nhằm nghi nhận quyền và nghĩa vụ của cơ quan được để tiến hành các hoạt động từ điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh đến giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo trình tự, thủ tục quy định. Từ khái niệm này có thể nhận diện pháp luật về chủ thể thực thi pháp luật PVTM qua những dấu hiệu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, sự ra đời của pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Thứ hai, pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh là một bộ phận của pháp luật cạnh tranh quốc gia và không tách rời hệ thống pháp luật WTO.

Thứ ba, pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh chủ yếu điều chỉnh địa vị pháp lý của các cơ quan tiến hành tố tụng.

1.2.2. Nội dung pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

Thứ nhất, quy định về cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh.

Thứ hai, quy định về hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh.

Thứ ba, quy định về hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định giải quyết vụ việc cạnh tranh. Ở Hoa Kỳ, bên cạnh được thành lập để thực thi các nhiệm vụ như điều tra và áp dụng chế tài đối với các hành vi vi phạm Luật Cạnh tranh, đảm trách thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng thì USFTC còn có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo¹³. Ở Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh tranh đó chính là UBCTQG. Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính¹⁴.

Thứ tư, quy định về các cơ quan khác liên quan đến quá trình tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Để các vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh được giải quyết một cách nhanh chóng, hiệu quả, đòi hỏi sự phối hợp và vận hành đồng bộ của nhiều cơ quan như Tòa án nhân dân, Bộ Công thương và các cơ quan, ban ngành khác.

1.3. Các yếu tố tác động đến nội dung của pháp luật và thực thi pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

Sự ra đời của pháp luật cạnh tranh và cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh là một nhu cầu tất yếu, với nhiều yếu tố chi phối:

¹¹ Nguyễn Thanh Tú (2009), *Pháp luật cạnh tranh trong WTO và kinh nghiệm cho Việt Nam*. <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/21-phap-luat-can-h-tranh-trong-wto-va-kinh-nghiem-cho-viet-nam>. Truy cập ngày 01/3/2023

¹² Nghị định số 07/2015/NĐ-CP ngày 16/01/2015 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng cạnh tranh. Và Nghị định số 06/2006/NĐ-CP ngày 09/01/2006 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục quản lý cạnh tranh

¹³ Cục quản lý cạnh tranh Việt Nam (2012), Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam. tr270.

¹⁴ Điều 2 Nghị định 03/2023/NĐ-CP quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia

Thứ nhất, quan điểm của Nhà nước về hành vi cạnh tranh và xử lý hành vi cạnh tranh.

Thứ hai, kinh nghiệm quốc tế về xây dựng mô hình cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh. Ở một số nước trên thế giới, pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ra đời từ khá sớm, như Hoa Kỳ, USFTC của Hoa Kỳ ra đời vào tháng 9 năm 1914 hay Nhật Bản, JFTC được hình thành năm 1949¹⁵. Có những quốc gia thiết lập cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh là một cơ quan ngang bộ hoặc một cơ quan trực thuộc Chính Phủ hay trực thuộc Tổng Thống¹⁶.

Thứ ba, thực trạng bộ máy hành chính, tư pháp của quốc gia.

Trước bối cảnh đó, LCT năm 2018 được ban hành đã quy định các cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh là UBCTQG để thay thế cho hai thiết chế trước đây là Cục quản lý cạnh tranh trực thuộc Bộ Công thương và Hội đồng cạnh tranh do Chính phủ thành lập. Tuy vậy, hơn 04 năm tiến hành tố tụng cạnh tranh, mô hình này đã bộc lộ nhiều yếu điểm cần được tiếp tục hoàn thiện, góp phần thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cạnh tranh trong xu thế hội nhập hiện nay.

1.4. Pháp luật của một số nước trên thế giới quy định về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh và gọi mở cho Việt Nam

1.4.1. Pháp luật của một số nước trên thế giới quy định về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

Thứ nhất, mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh Nhật Bản. Tại Nhật Bản, JFTC chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về cạnh tranh. Với địa vị pháp lý là một cơ quan thuộc Chính phủ Nhật Bản, JFTC là một trong những cơ quan tiến hành các thủ tục tố tụng cạnh tranh có cơ cấu tổ chức chặt chẽ cũng như khả năng thực thi chính sách, pháp luật cạnh tranh hiệu quả nhất trên thế giới. Không chỉ có một đội ngũ nhân viên hùng hậu và năng động (tổng cộng 799 người với 456 điều tra viên tính đến năm 2012¹⁷), tính hiệu quả của JFTC được bảo đảm bởi những đặc điểm cơ bản sau:

- Về lịch sử hình thành: JFTC được thành lập năm 1947 cùng với sự ra đời của Luật Chống độc quyền Nhật Bản. Sau các lần sửa đổi luật vào năm 1991, 1992 đến năm 2003, địa vị pháp lý của JFTC được chuyển từ cơ quan trực thuộc Bộ nội vụ và Bưu chính viễn thông Nhật Bản thành cơ quan độc lập trực thuộc Chính phủ Nhật Bản¹⁸.

- Chức năng của JFTC: Ở Nhật Bản các hành vi phản cạnh tranh được quy định chủ yếu trong Luật Chống độc quyền, Luật cấm cạnh tranh không lành mạnh, Luật cấm bán hàng đa cấp bất chính. Chức năng của JFTC được quy định cụ thể trong Luật Chống độc quyền.¹⁹

- Cơ cấu, tổ chức của JFTC: JFTC được cơ cấu dưới dạng một Ủy ban hành chính, với tổng số 05 thành viên, cụ thể là 01 chủ tịch và 04 ủy viên.²⁰ Những thành viên này do Thủ tướng trực tiếp bổ nhiệm, có tuổi đời từ 35 trở lên, lấy trong số các chuyên gia về pháp luật và kinh tế, trên cơ sở sự đồng thuận của cả Thượng viện và Hạ viện, riêng bổ nhiệm chủ tịch JFTC do Nhật Hoàng thông qua²¹.

JFTC là một cơ quan đặt dưới thẩm quyền pháp lý trực tiếp của Thủ tướng và có vị trí như một cơ quan ngoài bộ của Văn phòng Thủ tướng. Tuy nhiên, JFTC hoạt động độc lập trong quá trình

¹⁵ Cục quản lý cạnh tranh, Luật Chống độc quyền Nhật Bản, tr21- tr22

¹⁶ Mai Xuân Hợi & Đỗ Đức Hồng Hà (2015), “Một số mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh trên thế giới – Kinh nghiệm cho Việt Nam”. Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 01 (86)

¹⁷ Website của JFTC, http://www.jftc.go.jp/en/about_jftc/statistics.html.

¹⁸ Cục quản lý cạnh tranh, Luật Chống độc quyền Nhật Bản, tr21- tr22.

¹⁹ Chương VIII Luật Chống độc quyền của Nhật Bản năm 1947, sửa đổi mới nhất vào năm 2005, có hiệu lực từ tháng 01 năm 2006.

²⁰ Website của JFTC http://www.jftc.go.jp/en/about_jftc/index.files/JFTC_organizational_chart_201309.pdf

²¹ Cục quản lý cạnh tranh, Báo cáo rà soát Luật cạnh tranh năm 2012, tr255.

thực thi nghĩa vụ như một ủy ban hành chính độc lập, không chịu bất kỳ sự chỉ đạo hay kiểm soát của các cơ quan khác²².

Như vậy, sự thay đổi này nhằm đảm bảo nguyên tắc quan trọng hàng đầu đối với hiệu trong hoạt động tổ tụng cạnh tranh của JFTC là tính độc lập²³. Điều này cũng xuất phát từ một thực tế là Luật Chống độc quyền được nhìn nhận là một đạo luật chứa đựng các nguyên tắc cơ bản của hoạt động kinh doanh trong hệ thống thị trường tự do, do đó, nó không thể chịu ảnh hưởng của tính chính trị trong bất kỳ tình huống nào²⁴.

Thứ hai, mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh Hoa Kỳ. Hoa Kỳ được xem là “*quê hương*” của Luật Chống độc quyền (Anti-trust law) và là quốc gia có nhiều kinh nghiệm nhất về xây dựng và thực thi chính sách cạnh tranh trên thế giới. Cơ quan tiến hành tổ tụng cạnh tranh của Hoa Kỳ bao gồm Ủy ban Thương mại liên bang Hoa Kỳ USFTC và DOJ, mỗi cơ quan chịu trách nhiệm thực thi một số mảng của Luật cạnh tranh.

- *Lịch sử hình thành và phát triển.* USFTC được thành lập vào tháng 9/1914²⁵, khi tổng thống Mỹ Woodrow Wilson ký quyết định ban hành Đạo luật Ủy ban thương mại liên bang (the Federal Trade Commission Act) với chức năng chính là để bảo vệ người tiêu dùng và thúc đẩy cạnh tranh.²⁶

- *Chức năng của cơ quan quản lý cạnh tranh Hoa Kỳ*

Chức năng của USFTC: hoàn thành nhiệm vụ trên nhưng không gây ra bất kỳ rào cản hay gánh nặng pháp lý đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.²⁷

Chức năng của DOJ: khác với USFTC, cơ quan này phụ trách việc đẩy mạnh cạnh tranh kinh tế thông qua việc thi hành và hướng dẫn thi hành Luật chống độc quyền và các quy định liên quan.²⁸

- *Cơ cấu, tổ chức của cơ quan quản lý cạnh tranh Hoa Kỳ*

USFTC là cơ quan thuộc ngành hành pháp. Theo đó, cơ cấu của USFTC bao gồm một nhóm ủy viên gồm 05 người do Tổng thống đề cử và do Thượng viện thông qua, Tổng thống sẽ chọn một trong 05 thành viên làm chủ tịch, đồng thời có nhiều nhất 03 ủy viên được phép thuộc cùng một đảng.²⁹

USFTC có nhiệm vụ điều tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và áp dụng chế tài đối với các hành vi vi phạm Luật Cạnh tranh, đồng thời đảm trách thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng³⁰.

Như vậy, so với JFTC, cơ quan quản lý cạnh tranh Hoa Kỳ cũng có những nét tương đồng, đặc biệt là vấn đề đảm bảo tính độc lập của cơ quan này trong hệ thống các cơ quan thuộc bộ máy nhà nước và trong việc ra quyết định thực thi Luật cạnh tranh.

Loan. Luật Thương mại lãnh mạnh Đài Loan quy định Ủy ban thương mại (TFTC) là cơ quan trực tiếp tiến hành các hoạt động tổ tụng cạnh tranh của Đài Loan với những đặc điểm sau:

²² Cục quản lý cạnh tranh, Luật Chống độc quyền Nhật Bản, tr21

²³ Tính độc lập của JFTC là độc lập về mặt lợi ích với các chủ thể đồng thời phải độc lập và trung lập trong quyết định của chủ tịch và các ủy viên của JFTC. Vấn đề này, xem thêm: Cục quản lý cạnh tranh, Luật Chống độc quyền Nhật Bản, tr21-tr22.

²⁴ Cục quản lý cạnh tranh, Luật Chống độc quyền Nhật Bản, tr23.

²⁵ Cục quản lý cạnh tranh, Báo cáo rà soát các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2012, tr267

²⁶ Website của USFTC, <http://www.ftc.gov/about-ftc/our-history>

²⁷ Cục quản lý cạnh tranh Việt Nam, Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam năm 2012, tr268.

²⁸ Cục quản lý cạnh tranh Việt Nam, Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam năm 2012, tr268.

²⁹ Cục quản lý cạnh tranh Việt Nam, Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam năm 2012, tr269.

³⁰ Cục quản lý cạnh tranh Việt Nam, Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam năm 2012, tr270.

- *Lịch sử hình thành*: TFTA là cơ quan nhà nước cấp bộ được thành lập vào ngày 27/01/1992 theo quyết định của nội các Đài Loan, là cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm về thực thi Luật Thương mại lành mạnh tại Đài Loan và phát triển chính sách cạnh tranh tại Đài Loan.³¹

- *Chức năng của TFTA*: Theo quy định tại Điều 26 Luật Thương mại lành mạnh Đài Loan, TFTA có chức năng điều tra và xử lý các vụ việc theo khiếu nại của doanh nghiệp đối với bất kỳ vi phạm nào theo quy định của luật tác động xấu đến lợi ích chung. Cụ thể, TFTA có những nhiệm vụ sau:³² hoạch định chính sách luật và các quy định về thương mại lành mạnh; rà soát các vấn đề thương mại lành mạnh xung đột với luật này; điều tra hoạt động của các doanh nghiệp cũng như kiểm soát các hoạt động kinh tế; điều tra và đưa ra các quyết định xử lý đối với bất kỳ vụ vi phạm Luật Thương mại lành mạnh và bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Luật Thương mại lành mạnh.

- *Cơ cấu, tổ chức của TFTA*: Ủy viên của TFTA là những người kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, kế toán do Thủ tướng đề cử và được Tổng thống bổ nhiệm³³.

Theo quy định của Luật Thương mại lành mạnh Đài Loan tại Điều 26, TFTA được chia làm 03 ban:

Ban I: Chịu trách nhiệm điều tra và thực thi luật liên quan đến độc quyền, sáp nhập và khiếu kiện tập thể trong lĩnh vực dịch vụ và nông nghiệp.

Ban II: Chịu trách nhiệm điều tra và thực thi liên quan đến độc quyền, sáp nhập và khiếu kiện tập thể trong lĩnh vực sản xuất.

Ban III: Chịu trách nhiệm điều tra và thực thi liên quan đến hành vi thương mại không lành mạnh.

Quy trình xử lý vụ việc được thực hiện theo một thủ tục khá gọn và ít phức tạp, theo đó, các Ban của TFTA theo chức năng và nhiệm vụ đã được phân công tiến hành điều tra sơ bộ nếu vụ việc đó thuộc thẩm quyền của ban mình. Khi hoàn tất việc điều tra, các ban có liên quan soạn thảo và nộp đề xuất tại cuộc họp của các ủy viên hội đồng (commissioners) để đưa ra quyết định giải quyết vụ việc.

Nguyên tắc hoạt động của TFTA: Khi điều tra và giải quyết vụ việc thì TFTA phải thực thi các nhiệm vụ một cách độc lập phù hợp với quy định của pháp luật và có thể tiến hành xử lý các vụ việc liên quan đến thương mại lành mạnh với tư cách là ủy ban độc lập.

Tóm lại, tương tự như Nhật Bản và Hoa Kỳ, mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh của Đài Loan ra đời từ rất sớm, là cơ quan thuộc cấp bộ, có sự độc lập với các cơ quan nhà nước khác. Bên cạnh đó, tất cả các ủy viên của TFTA đều do Thủ tướng đề cử và Tổng thống bổ nhiệm, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý các vụ việc cạnh tranh có liên quan đến những cơ quan nhà nước. Đây là một trong những yếu tố quyết định mang lại tính hiệu quả cho hoạt động thực thi luật cạnh tranh thời gian qua của TFTA.

1.4.2. Một số gợi ý mở cho việc xây dựng mô hình cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh của Việt Nam

Trên cơ sở tìm hiểu mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh của một số nước tiêu biểu trên thế giới như vừa nêu trên, để khắc phục các hạn chế trên chúng tôi cho rằng mô hình cơ quan quản lý và

³¹ Cục quản lý cạnh tranh, Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam năm 2012, tr279.

³² Luật Thương mại lành mạnh Đài Loan, Điều 25.

³³ Cục quản lý cạnh tranh, Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam năm 2012, tr280.

tiến hành tố tụng cạnh tranh Việt Nam cần được tổ chức lại trên cơ sở học hỏi một số kinh nghiệm của các nước trên thế giới như sau³⁴:

Thứ nhất, về tính độc lập của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Thứ hai, về quyền hạn, chức năng và nhiệm vụ của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, kết quả nghiên cứu ở chương này đã làm rõ được những nội dung cơ bản như:

(i) Cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh là hệ thống các cơ quan được pháp luật quy định để tiến hành các hoạt động từ điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh đến giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo trình tự, thủ tục quy định;

(ii) Ở Việt Nam, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ra đời khá muộn so với lịch sử phát triển của cơ quan quản lý cạnh tranh trên thế giới.

Như vậy, trước bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay, việc nghiên cứu các vấn đề lý luận pháp luật về sự ra đời của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh từ đó thiết lập mô hình cơ quan này để xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh ở các quốc gia nói chung và ở Việt Nam nói riêng là hoàn toàn cần thiết.

³⁴ Mai Xuân Hợi & Đỗ Đức Hồng Hà (2015), “Một số mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh trên thế giới – Kinh nghiệm cho Việt Nam”. Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 01 (86)

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC THI PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam

2.1.1. Thực trạng pháp luật về cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh

Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia là cơ quan thuộc BCT có chức năng tiến hành tố tụng cạnh tranh, kiểm soát tập trung kinh tế, quyết định việc miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật; tham mưu giúp Bộ trưởng BCT thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp³⁵; Tiến hành điều tra vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật³⁶.

Để tiến hành điều tra vụ việc cạnh tranh, UBCTQG tiến hành thành lập các phòng điều tra trực thuộc mình, bao gồm Phòng điều tra vụ việc cạnh tranh. Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh được thành lập phòng. Bộ trưởng BCT quyết định số lượng phòng trực thuộc Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh. Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật³⁷.

Bởi lẽ, chức năng của phạm vi quản lý nhà nước của Bộ³⁸. Do đó, pháp luật giao cho UBCTQG thuộc BCT thực thi pháp luật cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng là hợp lý. Tuy nhiên, việc bố trí cơ quan điều tra nằm trong UBCTQG, mà cơ quan này lại trực thuộc BCT là hoàn toàn không đạt hiệu quả. Bởi lẽ:

Thứ nhất, xét về vị trí pháp lý của cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh.

Một là, Vấn đề này dễ dàng được giải quyết nếu vị trí của UBCTQG là cơ quan trực thuộc Chính phủ, và với công văn có bút phê của Thủ tướng thì UBND địa phương phải có nghĩa vụ phối hợp điều tra, thu thập chứng cứ³⁹.

Hai là, BCT là cơ quan quản lý nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, hoạt động xuất nhập khẩu, điện năng, v.v. Trong khi đó, UBCTQG và các doanh nghiệp này đều thuộc sự quản lý của BCT, do đó việc UBCTQG điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh của các doanh nghiệp này không khác gì, BCT “đang vừa đá bóng vừa thổi còi”.

Ba là, UBCTQG thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cạnh tranh, với các nhiệm vụ là phát hiện, thụ lý, điều tra và kiến nghị áp dụng các hình thức xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh.

Bốn là, khi điều tra các vụ việc cạnh tranh có liên quan đến doanh nghiệp nước ngoài. Trước thực tế đó, để giải quyết thì phòng phải báo cáo cho UBCTQG và Chủ tịch UBCTQG báo cáo cho Bộ trưởng BCT để xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ⁴⁰.

³⁵ Điều 1 Nghị định số 03/2023/NĐ

³⁶ Điều 2 Nghị định số 03/2023/NĐ

³⁷ Điều 5 Nghị định số 03/2023/NĐ

³⁸ Điều 1 của Nghị định 98/2017/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ công thương.

³⁹ Mai Xuân Hợi (2018), “*Bàn về vị trí pháp lý của Cơ quan điều tra biên pháp phòng vệ thương mại*”. Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn của Trường Đại học Luật, Đại học Huế, số ra 37

⁴⁰ Phùng Gia Đức (2015), “*Hoàn thiện pháp luật để chủ động áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu*”. Tạp chí Pháp luật và Phát triển của Hội Luật gia Việt Nam số tháng 7

Thứ hai, về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh. Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật⁴¹.

Như vậy, cơ quan điều tra các hành vi HCCT và hành vi CTKLM, giải quyết khiếu nại về vụ việc cạnh tranh thì UBCTQG còn thực hiện rất nhiều nhiệm vụ khác như bảo vệ người tiêu dùng, quản lý hoạt động bán hàng đa cấp, v.v. Với một lịch sử hình thành và phát triển còn “non trẻ”, cơ cấu tổ chức chưa hoàn thiện, số lượng thành viên được biên chế còn thừa thớt, cả nước có hai văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh⁴².

Thứ ba, về cơ cấu, tổ chức của cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh. Để tiến hành điều tra vụ việc cạnh tranh, pháp luật quy định, Chủ tịch UBCTQG giao có nhiệm vụ bổ nhiệm, miễn nhiệm Thủ trưởng Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Điều tra viên vụ việc cạnh tranh⁴³. Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật⁴⁴. Phân tích cơ cấu, tổ chức của cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh nhận thấy:

Một là, trên thực tế giữa BCT và các bộ, ban ngành khác luôn có “*mối quan hệ qua lại*” trong công việc hàng ngày.

Hai là, thành viên của UBCTQG lại do Bộ trưởng BCT bổ nhiệm, miễn nhiệm. Do UBCTQG trực thuộc BCT, vì thế Chủ tịch UBCTQG do Thủ tướng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng BCT; cán bộ của UBCTQG do Chủ tịch đề nghị Bộ trưởng BCT là người bổ nhiệm, miễn nhiệm⁴⁵. Liệu rằng khi xử lý các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh của các doanh nghiệp liên quan tới quyền và lợi ích của BCT thì có được bổ nhiệm cho nhiệm kỳ tiếp theo nữa hay không, đặc biệt là “*tư duy nhiệm kỳ*” còn đang là “*xu thế*” trong cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam như hiện nay⁴⁶.

Thứ tư, về ngân sách hoạt động của cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh

2.1.2. Thực trạng pháp luật về hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật⁴⁷. Đơn vị trực thuộc UBCTQG thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Công Thương⁴⁸.

Khi xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số⁴⁹. Theo đó, ngày 10 tháng 11 năm 2008, Cục trưởng Cục quản lý cạnh tranh ra quyết định số 93/QĐ-QQLCT về việc điều tra sơ bộ vụ việc cạnh tranh liên quan đến hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của 19 doanh nghiệp bảo hiểm thuộc Hiệp hội bảo

⁴¹ Điều 5 Nghị định số 03/2023/NĐ

⁴² Mai Xuân Hợi (2014) “Cơ quan thực thi pháp luật về cạnh tranh ở Việt Nam”. Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế. Thực hiện tại Khoa Luật, Đại học Huế. Tr44-45

⁴³ Điều 3 Nghị định 03/2023/NĐ-CP

⁴⁴ Điều 3 Nghị định 03/2023/NĐ-CP

⁴⁵ Điều 47, Điều 48 Luật Cạnh tranh năm 2018

⁴⁶ Mai Xuân Hợi (2014) “Cơ quan thực thi pháp luật về cạnh tranh ở Việt Nam”. Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế. Thực hiện tại Khoa Luật, Đại học Huế. Tr45-46

⁴⁷ Điều 60 Luật Cạnh tranh năm 2018

⁴⁸ Điều 5 Nghị định 03/2023/NĐ-CP

⁴⁹ Điều 60 Luật Cạnh tranh năm 2018

hiểm Việt Nam. Ngày 02 tháng 10 năm 2009, Cục quản lý cạnh tranh chuyển hồ sơ vụ việc KNCT-HCCT – 0009 lên Hội đồng cạnh tranh. Đến ngày 15 tháng 01 năm 2009, Hội đồng cạnh tranh ra Quyết định số 02/QQĐ-HĐXL về việc trả hồ sơ điều tra bổ sung [24]. Như vậy, kể từ ngày Cục quản lý cạnh tranh gửi hồ sơ cho Hội đồng cạnh tranh cho đến thời điểm Hội đồng xử lý vụ việc ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung tổng thời gian là 113 ngày (tức hơn 03 tháng). Điều này đã trái hoàn toàn với quy định của Luật Cạnh tranh, vì theo Điều 99 quy định: “*Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh phải ra một trong các quyết định: a) Mở phiên điều trần; b) Trả hồ sơ để điều tra bổ sung; c) Đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh;...*”. Chiếu với quy định hiện hành đó, Quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc trong trường hợp này đã vi phạm thủ tục tố tụng cạnh tranh theo Luật định. Cùng quan điểm này với tác giả, một nghiên cứu khác đã có phân tích rất kỹ vấn đề này trong bài viết: “*Nhìn lại vụ việc cartel giá bảo hiểm xe cơ giới – một vài suy nghĩ và bình luận*”, bài viết tham gia Hội thảo “*10 năm thực thi Luật Cạnh tranh ở Việt Nam và những bài học kinh nghiệm của châu Âu*” do Hội đồng cạnh tranh chủ trì tại thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16-17 tháng 12 năm 2014 vừa qua⁵⁰.

2.1.3. Thực trạng quy định về hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định giải quyết vụ việc cạnh tranh

Theo pháp luật cạnh tranh, Chủ tịch UBCTQG xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính⁵¹.

Với quy định trên đây cho thấy, Hội đồng giải quyết khiếu nại xử lý vụ việc giải quyết thông qua phiên điều trần theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số⁵².

2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam

2.2.1. Những kết quả đạt được trong thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

Trong quá trình gia nhập WTO, tính đến hết năm 2016, đã có hơn 330 hồ sơ khiếu nại, trong đó có 182 vụ đã được điều tra, xử lý⁵³. Kết quả, Hội đồng Xử lý vụ việc cạnh tranh chỉ tuyên phạt ở mức 0,025% tổng doanh thu trong năm tài chính trước năm thực hiện hành vi vi phạm, trong khi đó mức xử phạt theo quy định của luật là đến 5% tổng doanh thu trong năm tài chính trước năm thực hiện hành vi vi phạm⁵⁴. Cục vẫn tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ hoạt động cạnh tranh trên các thị trường nêu trên, nhằm kịp thời phát hiện, điều tra các hành vi vi phạm quy định của LCT năm 2004⁵⁵.

Với một khối lượng nhiệm vụ được giao theo quy định thì việc thực thi các nhiệm vụ đó trên thực tế là không thể đạt hiệu quả cao nếu không nói là quyền hạn, nhiệm vụ mà pháp luật quy định cho

⁵⁰ Nguyễn Am Hiếu (2014), *Nhìn lại vụ việc cartel giá bảo hiểm xe cơ giới – một vài suy nghĩ và bình luận*, Kỷ yếu Hội thảo 10 năm thực thi Luật Cạnh tranh ở Việt Nam và những bài học kinh nghiệm của châu Âu, tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 16-17 tháng 12 năm 2014.

⁵¹ Điều 59 Luật Cạnh tranh năm 2018

⁵² Điều 60 Luật Cạnh tranh năm 2018

⁵³ Bộ Công thương (2017) “*Báo cáo tổng kết 12 năm thi hành Luật cạnh tranh năm 2004*”. <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/42994>. Truy cập ngày 12/3/2023

⁵⁴ Hội đồng xử lý vụ việc – Hội đồng cạnh tranh, *Quyết định số 09/QQĐ-HĐXL ngày 21/5/2010*.

⁵⁵ Phạm Phương Thảo (2019), “*Thực tiễn xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo pháp luật Việt Nam hiện nay và một số giải pháp hoàn thiện*”. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-tien-xu-ly-hanh-vi-han-che-canh-tranh-bi-cam-theo-phap-luat-viet-nam-hien-nay-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien-63507.htm>. Truy cập ngày 12/3/2023

các cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh là quá “ôm đồm”, không phù hợp với thực lực cũng như khả năng của các đơn vị thuộc Cục quản lý cạnh tranh quản lý hiện có⁵⁶.

Vì thế, kết quả LCT năm 2018 được ban hành để thay thế LCT năm 2004. Thực thi các quy định này, từ năm 2019 đến năm 2022, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh đã hoạt động khá hiệu quả và kết quả đạt được:

Thứ nhất, thực tiễn tiến hành tố tụng đối với vụ việc hạn chế cạnh tranh. Về quản lý hạn chế cạnh tranh, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra tiền tố tụng gần 100 vụ việc trên nhiều thị trường, lĩnh vực, ngành nghề để thu thập, xác minh các thông tin, dấu hiệu về các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh. Trên cơ sở đó, khởi xướng điều tra 5 vụ việc và đã xử lý 4 vụ việc; trong đó, có những vụ việc thu hút sự quan tâm của dư luận như vụ việc lạm dụng vị trí thống lĩnh trên thị trường du lịch, vụ việc Grab và Uber, v.v⁵⁷. Đối với vụ việc Grab và Uber, sau khi tổ chức Phiên điều trần theo hình thức xử kín vào ngày 11 tháng 6 năm 2019, ngày 17 tháng 6 năm 2019, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh đã ban hành Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, trong đó khẳng định do chưa đủ yếu tố cấu thành hành vi tập trung kinh tế nên bên bị điều tra không vi phạm Luật Cạnh tranh⁵⁸.

Thứ hai, thực tiễn tiến hành tố tụng đối với hành vi tập trung kinh tế. Từ năm 2019 đến nay, các cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh đã tiếp nhận và xử lý 125 hồ sơ thông báo tập trung kinh tế theo quy định của LCT 2018 với số lượng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là 258; trong đó, số lượng doanh nghiệp nước ngoài là 131, chiếm 51% và số lượng doanh nghiệp Việt Nam là 127, chiếm 49%⁵⁹. Theo đó, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh sẽ chủ động trong việc bố trí nguồn lực, các vụ việc cần được đánh giá sẽ được đánh giá một cách kỹ lưỡng và có trọng tâm hơn.

Thứ ba, thực tiễn tiến hành tố tụng đối với vụ việc CTKLM. Các hành vi CTKLM bị điều tra và xử lý tập trung chủ yếu vào các dạng hành vi quảng cáo nhằm CTKLM, dèm pha doanh nghiệp khác, chỉ dẫn gây nhầm lẫn, bán hàng đa cấp bất chính, v.v⁶⁰.

Với những kết quả đạt được, có thể thấy bước đầu Luật Cạnh tranh 2018 đã phát huy hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu, hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp có xu hướng gia tăng, nhất là xu hướng gia tăng các giao dịch mua bán, sáp nhập có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc triển khai tổ chức thực thi luật vẫn còn gặp nhiều khó khăn do UBCTQG chưa được thành lập nên việc điều tra và xử lý các vụ việc vi phạm pháp LCT trong giai đoạn 2019 - 2021 không thể triển khai theo quy định⁶¹.

⁵⁶ Mai Xuân Hợi (2014) “Cơ quan thực thi pháp luật về cạnh tranh ở Việt Nam”. Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế. Thực hiện tại Khoa Luật, Đại học Huế. Tr44-45.

⁵⁷ Uyên Hương (2021), “Luật Cạnh tranh 2018: Tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh”. <https://bnews.vn/luat-can-hanh-tranh-2018-cao-lap-moi-truong-can-hanh-tranh-cong-bang-lanh-manh/218102.html>. Truy cập ngày 12/3/2023

⁵⁸ Bộ Công thương (2023), “Quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh trong vụ việc có liên quan tới Công ty TNHH GrabTaxi và Công ty TNHH Uber Việt Nam”. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/quyet-dinh-cua-hoi-dong-xu-ly-vu-vec-can-hanh-tranh-trong-vu-vi.html>. Truy cập ngày 12/03/2023

⁵⁹ Bộ Công thương (2023), “Quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh trong vụ việc có liên quan tới Công ty TNHH GrabTaxi và Công ty TNHH Uber Việt Nam”. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/quyet-dinh-cua-hoi-dong-xu-ly-vu-vec-can-hanh-tranh-trong-vu-vi.html>. Truy cập ngày 12/03/2023

⁶⁰ Uyên Hương (2021), “Luật Cạnh tranh 2018: Tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh”. <https://bnews.vn/luat-can-hanh-tranh-2018-cao-lap-moi-truong-can-hanh-tranh-cong-bang-lanh-manh/218102.html>. Truy cập ngày 12/3/2023

⁶¹ Uyên Hương (2021), “Luật Cạnh tranh 2018: Tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh”. <https://bnews.vn/luat-can-hanh-tranh-2018-cao-lap-moi-truong-can-hanh-tranh-cong-bang-lanh-manh/218102.html>. Truy cập ngày 12/3/2023

2.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

2.2.2.1. Những tồn tại trong thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

Thứ nhất, số vụ việc HCCT được tiến hành điều tra, xử lý còn rất ít và số tiền phạt còn rất hạn chế. Sẽ là khách quan và dễ dàng đưa ra kết luận hơn khi Cục quản lý cạnh tranh có sự độc lập về mặt vị trí cũng như cơ cấu, tổ chức so với thực trạng hiện nay⁶².

Thứ hai, hoạt động tiến hành tố tụng để giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi HCCT gây ra còn ít và chưa có kết quả cụ thể. Tiếc là vẫn không có sự hỗ trợ của cơ quan cạnh tranh đối với tòa án trong việc xử lý các vụ việc như vậy⁶³.

Thực tiễn áp dụng yêu cầu buộc bồi thường thiệt hại cho thấy việc chứng minh hay giám định xác định mức độ thiệt hại để yêu cầu bồi thường ngoài hợp đồng đối với các vụ việc cạnh tranh gặp nhiều khó khăn. Vấn đề này nếu được bỏ ngỏ trong pháp luật cạnh tranh sẽ khiến các cơ quan thực thi pháp luật gặp rất nhiều khó khăn khi áp dụng⁶⁴.

Thứ ba, chưa có vụ việc HCCT nào được giải quyết bằng biện pháp hình sự.

Qua khảo sát nhận thấy, những tồn tại trên đây xuất phát từ những nguyên nhân cụ thể sau:

Một là, vị trí pháp lý của cơ quan tiến hành tố tụng vụ việc cạnh tranh chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hai là, trong thực tiễn tiến hành các hoạt động tố tụng cạnh tranh, đội ngũ cán bộ công chức tại các cơ quan tiến hành tố tụng nhìn chung chưa đủ về số lượng, thiếu kinh nghiệm thực tiễn. Vì vậy, cần thiết phải tăng cường hơn nữa đội ngũ điều tra viên của UBCTQG cả về mặt số lượng và chất lượng⁶⁵.

Ba là, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh được quy định nhiều cơ quan nhưng không có sự phân định thẩm quyền và cơ chế phối hợp.

Bốn là, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Năm là, xuất phát từ các điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Sáu là, thiếu kinh phí hoạt động.

⁶² Mai Xuân Hợi (2014) “Cơ quan thực thi pháp luật về cạnh tranh ở Việt Nam”. Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế. Thực hiện tại Khoa Luật, Đại học Huế. Tr50

⁶³ Phạm Phương Thảo (2019), “Thực tiễn xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo pháp luật Việt Nam hiện nay và một số giải pháp hoàn thiện”. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-tien-xu-ly-hanh-vi-han-che-can-phanh-bi-cam-theo-phap-luat-viet-nam-hien-nay-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien-63507.htm>. Truy cập ngày 12/3/2023

⁶⁴ Phạm Phương Thảo (2019), “Thực tiễn xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo pháp luật Việt Nam hiện nay và một số giải pháp hoàn thiện”. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-tien-xu-ly-hanh-vi-han-che-can-phanh-bi-cam-theo-phap-luat-viet-nam-hien-nay-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien-63507.htm>. Truy cập ngày 12/3/2023

⁶⁵ Phạm Phương Thảo (2019), “Thực tiễn xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo pháp luật Việt Nam hiện nay và một số giải pháp hoàn thiện”. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-tien-xu-ly-hanh-vi-han-che-can-phanh-bi-cam-theo-phap-luat-viet-nam-hien-nay-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien-63507.htm>. Truy cập ngày 12/3/2023

Kết luận chương 2

Nhằm đánh giá thực trạng pháp luật cũng như thực tiễn thực thi pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam, trong chương này Luận văn đã làm rõ được những nội dung cơ bản sau:

(i) Địa vị pháp lý của các cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh dù đã có những quy định thay đổi so với LCT năm 2004, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra. Cụ thể, trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay việc điều tra, xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh đôi khi không xuất phát từ chính lợi ích của doanh nghiệp, thay vào đó là bị sự chi phối bởi các mệnh lệnh hành chính xuất phát từ sự tồn tại của doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu thì việc pháp luật quy định UBCTQG nằm trong BCT để thực hiện các hoạt động tố tụng cạnh tranh là chưa hợp lý.

(ii) Thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh đã đạt được những kết quả khả quan, đặc biệt thời điểm LCT năm 2018 được ban hành và có hiệu lực. Tuy nhiên, thực tiễn điều tra, xử lý các vụ việc vẫn còn nhiều điểm tồn tại, như một số kết luận điều tra chưa khách quan, thuyết phục; sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng chưa hiệu quả; số lượng, trình độ của cán bộ trong các cơ quan tố tụng cạnh tranh còn hạn chế.

Trước thực tiễn đó, để đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, cần thiết phải nghiên cứu đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh nhằm hiệu quả bảo vệ doanh nghiệp cũng như ngành sản xuất nội địa trước các hành vi CTKLM, HCCT đến từ doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam

3.1.1. Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng để đảm bảo quyền tự do kinh doanh

Qua trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng chủ động, tích cực và sâu rộng. Điều này tiếp tục được Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: “*Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam*”⁶⁶.

3.1.2. Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

Để đạt mục tiêu mục tiêu điều chỉnh quan hệ pháp luật của Luật Cạnh tranh nhằm duy trì và thúc đẩy môi trường kinh doanh mang tính cạnh tranh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cũng như bảo vệ lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam, việc hoàn thiện pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam cần nghiêm túc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cũng đáp ứng được việc thực thi các hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên, góp phần hội nhập sâu rộng trong xu thế tự do thương mại hóa toàn cầu như hiện nay.

3.1.3. Phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội và pháp lý hành chính Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay

Pháp luật được ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội và biểu hiện trình độ phát triển của xã hội. Vì thế, quy phạm pháp luật phải được ban hành dựa trên trình độ phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia.

Việt Nam là quốc gia đang phát triển, với chính sách hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, việc hoàn thiện pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh phải đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp điều kiện kinh tế xã hội đất nước, nhưng đồng thời phải đảm bảo được tính độc lập, chủ động, khách quan và hiệu quả trong điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh, bảo vệ hiệu quả doanh nghiệp và người tiêu dùng trước các hành vi HCCT hoặc CTKLM của các doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường.

3.1.4. Đảm bảo nguyên tắc độc lập trong tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan thực thi pháp luật về cạnh tranh

Độc lập trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan tố tụng cạnh tranh là yếu tố tiên quyết để có được sự công bằng trong việc xử lý các vụ việc và cũng là điều mà các bên có liên quan chờ đợi ở cơ quan này.

3.2. Đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh

3.2.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh

⁶⁶ Xem: Đảng cộng sản Việt Nam (2021), “*Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*”. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.

Thứ nhất, hoàn thiện vị trí pháp lý của cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về cơ cấu, tổ chức của cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh.

Thứ ba, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh.

Khắc phục những bất cập đó, LCT năm 2018 đã có những quy định mới về quyền hạn, nhiệm vụ của UBCTQG. Thực hiện điều này, chức năng, nhiệm vụ của UBCTQG cần quy định như sau: Ủy ban cạnh tranh quốc gia có chức năng quản lý nhà nước về cạnh tranh; có quyền hạn, nhiệm vụ phát hiện, thụ lý giải quyết các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh; giải quyết khiếu nại về vụ việc vi phạm pháp luật cạnh tranh; và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở quy định của LCT, các văn bản dưới luật sẽ hướng dẫn thi hành theo hướng quy định cụ thể các nhiệm vụ cho từng ban chức năng.

Thứ tư, hoàn thiện quy định về ngân sách hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

3.2.3. Hoàn thiện quy định về hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

Như đã phân tích, để đảm bảo hoạt động tố tụng cạnh tranh đạt hiệu quả cần xây dựng UBCTQG là cơ quan do Chính phủ thành lập và có vị trí độc lập với thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Khi UBCTQG trực thuộc Chính phủ thì Hội đồng xử lý vụ việc HCCT do cơ quan ngang có ngành bộ thành lập, tất nhiên các thành viên của Hội đồng này do Chủ tịch UBCTQG (với tư cách là thủ trưởng của cơ quan thuộc Chính phủ) quyết định. Lúc này, các “mệnh lệnh” tác động lên kết quả xét xử sẽ hạn chế so với mô hình trực thuộc bộ như hiện nay.

3.2.4. Hoàn thiện quy định về hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh

Vì thế, để phát huy hết vai trò của Hội đồng giải quyết khiếu nại vụ việc, cần thiết phải thay đổi vị trí pháp lý và chức năng, nhiệm vụ của UBCTQG như đã đề xuất như trên. Lúc này, các quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan đối với vụ việc cạnh tranh sẽ độc lập, chủ động và khách quan hơn.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam

Trước tình hình kinh tế toàn cầu vẫn có nhiều biến đổi, để bảo vệ hiệu quả nền sản xuất trong nước trước những tác động tiêu cực từ các hành vi phản cạnh tranh, bên cạnh hoàn thiện pháp luật để nâng cao vị thế pháp lý cũng như chức năng nhiệm vụ thì cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh trong thời gian tới cần thực hiện các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, xây dựng vị thế pháp lý của UBCTQG tương xứng với nhiệm vụ, chức năng được giao.

Thứ hai, nâng cao chất lượng và số lượng đối với nguồn nhân lực cho các cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Thứ ba, tăng cường kinh phí hoạt động cho cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Thứ tư, nâng cao năng lực, nhận thức cho doanh nghiệp về hoạt động tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Thứ năm, xây dựng và vận hành hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Thứ sáu, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến hoạt động tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Kết luận chương 3

Để góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh ở Việt Nam, chương này đã đề xuất được các giải pháp dựa trên những luận cứ khoa học được xây dựng một cách có hệ thống từ những vấn đề lý luận cho đến thực tiễn thực thi được phân tích một cách đầy đủ, khoa học, xuyên suốt, cụ thể:

(i) Dựa trên cơ sở lý luận cũng như kết quả đánh giá thực trạng pháp luật về chủ thể thực thi pháp luật PVTM, công trình đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về chủ thể thực thi pháp luật PVTM đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể: Giải pháp hoàn thiện địa vị pháp lý của Cơ quan điều tra PVTM; giải pháp hoàn thiện các quyền và nghĩa vụ của chủ thể yêu cầu điều tra PVTM; giải pháp hoàn thiện quy định về trách nhiệm phối hợp thực thi pháp luật PVTM của hệ thống cơ quan nhà nước liên quan; giải pháp hoàn thiện quy định về trách nhiệm giám sát, xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật PVTM.

(ii) Từ kết quả đánh giá thực tiễn hoạt động thực thi pháp luật PVTM, công trình đã đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật PVTM của Cơ quan điều tra PVTM; chủ thể có quyền yêu cầu điều tra PVTM; chủ thể phối hợp thực thi pháp luật PVTM.

(iii) Các giải pháp đề xuất trên đây được xây dựng dựa trên hệ thống cơ sở lý luận khoa học được phân tích, đánh giá dựa trên các học thuyết, quan điểm khoa học, số liệu thu thập từ thực tiễn góp phần hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về PVTM của các chủ thể đáp ứng chủ trương đường lối hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Từ những năm đầu của thập kỷ 1990, trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập và mở cửa với việc tham gia WTO, ký kết các FTA song và đa phương, đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các nước. Cùng với đó, không ít những thách thức đặt ra với nhiều hành vi thương mại không công bằng của nhiều doanh nghiệp nhập khẩu, gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa và người tiêu dùng. Bối cảnh đó, đã thu hút nhiều học giả quan tâm, nghiên cứu và kết quả cho ra đời những học thuyết và công trình khoa học lý giải cho sự ra đời của pháp luật PVTM, và hệ thống chủ thể để thực thi pháp luật PVTM nhằm chống lại những hành vi thương mại không công bằng đến từ hàng hóa nhập khẩu để bảo vệ hợp pháp cho doanh nghiệp và nền sản xuất nội địa.

Sự ra đời của pháp luật PVTM nói chung và pháp luật về chủ thể thực thi pháp luật PVTM nói riêng được xây dựng xuất phát từ cơ sở của các học thuyết về quyền con người, quyền tự do kinh doanh cũng như các nguyên tắc chung của WTO với mục tiêu bảo vệ hợp pháp cho doanh nghiệp và nền sản xuất nội địa trước những hành vi thương mại không công bằng đến từ hàng hóa nhập khẩu.

Thực hiện mục tiêu nói trên, xuất phát và đáp ứng được bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng hiện nay, buộc các quốc gia phải thiết kế hệ thống chủ thể thực thi pháp luật PVTM để chống lại các hành vi thương mại không công bằng đến từ tổ chức, cá nhân nhập khẩu. Tuy vào điều kiện cũng như vị trí của mỗi quốc gia mà có những điểm khác nhau trong việc tổ chức bộ máy thực thi pháp luật PVTM, nhưng tổng hợp thực tiễn nghiên cứu nhận thấy, quan niệm về chủ thể thực thi pháp luật PVTM phải được nhìn nhận, xem xét một cách toàn diện toàn diện trên những khía cạnh từ thiết chế khởi xướng, điều tra cho đến tổ chức, cá nhân được quyền yêu cầu điều tra cũng như các chủ thể hỗ trợ, phối hợp và những chủ thể có quyền và nghĩa vụ liên quan đến qua trình điều tra áp dụng pháp luật PVTM.

Từ thực tiễn nghiên cứu cho thấy, pháp luật về chủ thể thực thi PVTM Việt Nam đang bộc lộ những bất cập, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả bảo vệ doanh nghiệp cũng như ngành sản xuất nội địa trước các hành vi CTKLM đến từ doanh nghiệp nhập khẩu nước ngoài. Đặc biệt về địa vị pháp lý của cơ quan điều tra PVTM; quyền và nghĩa vụ của chủ thể yêu cầu điều tra, áp dụng PVTM; trách nhiệm phối hợp thực thi pháp luật PVTM của hệ thống các cơ quan nhà nước liên quan; thiếu các quy định về trách nhiệm giám sát, xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động thực thi pháp luật PVTM.

Từ hệ thống cơ sở lý luận khoa học được phân tích, đánh giá dựa trên các học thuyết, quan điểm khoa học, số liệu thu thập từ thực tiễn, Luận án đã đề xuất được các giải pháp hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi pháp luật của Cơ quan điều tra PVTM, chủ thể yêu cầu điều tra áp dụng PVTM và hệ thống cơ quan nhà nước trong phối hợp thực thi PVTM để đáp ứng yêu cầu và chủ trương đường lối hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả của Việt Nam hiện tại và tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Các văn bản luật

[1] Quốc hội (2015), Bộ Luật Dân sự.

[2] Quốc hội (2004), Luật Cảnh tranh năm.

[3] Quốc hội (2018), Luật Cảnh tranh năm.

[4] Chính phủ (2019), Nghị định số 75/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt trong lĩnh vực cạnh tranh

[5] Chính phủ (2019), Nghị định số 35/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Cảnh tranh năm 2018.

[6] Chính phủ (2019), Nghị định số 03/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBCTQG.

[7] Đài Loan (1991), Luật Thương mại lãnh mạnh Đài Loan (sửa đổi, bổ sung 1999,2000)

[8] Nhật Bản (1992), Luật Chống độc quyền Nhật Bản (sửa đổi, bổ sung năm 2003)

II. Các nghiên cứu trao đổi

[9] Đào Duy Anh (2001), “*Từ điển Hán – Việt*”, Nxb. Văn Hóa – Thông tin, tr.439.

[10] Bộ công thương (2021), “*Kết quả đạt được sau 02 năm thực hiện Luật Cảnh tranh: Góc nhìn từ cơ quan quản lý*”.

<https://moit.gov.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/ket-qua-dat-duoc-sau-02-nam-thuc-hien-luat-can-tranh-goc-nhin-tu-co-quan-quan-ly.html>. Truy cập ngày 30/1/2023.

[11] Bộ Tư pháp – Viện Khoa học pháp lý (2005), “*Từ điển Luật học*”. Nxb. Tư pháp.

[12] Bộ Công thương (2023), “*Quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh trong vụ việc có liên quan tới Công ty TNHH GrabTaxi và Công ty TNHH Uber Việt Nam*”. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/quyet-dinh-cua-hoi-dong-xu-ly-vu-viec-can-tranh-trong-vu-vi.html>. Truy cập ngày 12/03/2023.

[13] Bộ Công thương (2017) “*Báo cáo tổng kết 12 năm thi hành Luật cạnh tranh năm 2004*”. <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/42994>. Truy cập ngày 12/3/2023

[14] Phạm văn cao (2021), “*Thay đổi cách tiếp cận kiểm soát tập trung kinh tế - những thuận lợi và thách thức đối với cơ quan thực thi*”. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thay-doi-cach-tiep-can-kiem-soat-tap-trung-kinh-te-nhung-thuan-loi-va-thach-thuc-doi-voi-co-quan-thuc-thi-84443.htm>. Truy cập ngày 12/03/2023.

[15] Cục quản lý cạnh tranh Việt Nam, “*Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam năm 2012*”.

[16] Đảng cộng sản Việt Nam (2021), “*Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*”. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[17] Phùng Gia Đức (2015), “*Hoàn thiện pháp luật để chủ động áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu*”. Tạp chí Pháp luật và Phát triển của Hội Luật gia Việt Nam số tháng 7

[18] Lê Gia (2004), “*Từ điển tiếng Việt*”. Nxb. Hồng Đức.

[19] Uyên Hương (2021), “*Luật Cảnh tranh 2018: Tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh*”.

[20] Mai Xuân Hợi & Đỗ Đức Hồng Hà (2015), “*Một số mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh trên thế giới – Kinh nghiệm cho Việt Nam*”. Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 01 (86).

[21] Mai Xuân Hợi (2018), “*Bàn về vị trí pháp lý của Cơ quan điều tra biện pháp phòng vệ thương mại*”. Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn của Trường Đại học Luật, Đại học Huế, số ra 37.

[22] Mai Xuân Hợi (2014) “*Cơ quan thực thi pháp luật về cạnh tranh ở Việt Nam*”. Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế. Thực hiện tại Khoa Luật, Đại học Huế. Tr44-45

[23] Nguyễn Duy Lâm (2001), “*Từ điển giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng*”. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[24] Nguyễn Thanh Tú (2009), “*Pháp luật cạnh tranh trong WTO và kinh nghiệm cho Việt Nam*”. <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/21-phap-luat-can-h-tranh-trong-wto-va-kinh-nghiem-cho-viet-nam>. Truy cập ngày 01/3/2023

[25] Fikentscher (1998), “*Chicago – get the government off the back of business*”.

III. Các website

[26] <http://www.ftc.gov/about-ftc/our-history>

[27] http://www.jftc.go.jp/en/about_jftc/index.files/JFTC_organizational_chart_201309.pdf